

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

Số: 2845/QĐ-HVYDCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Dược sĩ đại học chương trình đào tạo chính quy
(Đợt 1 – Năm 2025)

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-HVYDCT ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025;

Căn cứ biên bản cuộc họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm 2025, Trường phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Dược sĩ đại học chương trình đào tạo chính quy, đợt 1 năm 2025 cho 177 sinh viên (Có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà Trường phòng: Đào tạo đại học, Công tác chính trị và quản lý sinh viên, Tài chính kế toán; các phòng, ban liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để b/c);
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐTDH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2020-2025, NGÀNH: DƯỢC HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 2845/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	ĐÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	205201B177	NGUYỄN THỊ	12/09/2002	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Dược2020 B	Kinh	3.36	8.15	92	Xuất sắc	Giỏi
2	205201B131	DƯƠNG THỊ	16/11/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Dược2020 B	Kinh	3.34	8.24	90	Xuất sắc	Giỏi
3	205201B168	BÙI THỊ	20/04/2002	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	Dược2020 B	Kinh	3.31	8.17	91	Xuất sắc	Giỏi
4	205201B172	LÝ ĐỨC	26/07/2002	Nam	Thành phố Hà Nội	Dược2020 B	Kinh	3.28	8.16	90	Xuất sắc	Giỏi
5	205201B195	TÔ PHƯƠNG	07/10/2002	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Dược2020 B	Kinh	3.28	8.06	90	Xuất sắc	Giỏi
6	205201A024	NGUYỄN THỊ	06/02/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	3.25	8.02	90	Xuất sắc	Giỏi
7	205201B213	TẠ THỊ THÚY	03/04/2002	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	Dược2020 B	Kinh	3.23	8.03	90	Xuất sắc	Giỏi
8	205201A043	TRƯƠNG HOÀNG	01/01/2002	Nữ	Tỉnh Ninh Bình	Dược2020 A	Kinh	3.22	7.99	90	Tốt	Giỏi
9	205201A055	NGUYỄN HÀ	03/05/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	3.19	8.01	85	Tốt	Khá
10	205201A022	NGUYỄN THỊ	23/03/2002	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	Dược2020 A	Kinh	3.16	7.94	88	Tốt	Khá
11	205201A078	NGUYỄN VIỆT	10/03/2002	Nam	Liên Bang Nga	Dược2020 A	Kinh	3.14	7.90	87	Tốt	Khá
12	205201B118	NGUYỄN THỊ THU	21/07/2002	Nữ	Tỉnh Bắc Ninh	Dược2020 B	Kinh	3.14	7.88	84	Tốt	Khá
13	205201A095	NGÔ THỊ	15/01/2002	Nữ	Thành phố Hải Phòng	Dược2020 A	Kinh	3.12	7.85	84	Tốt	Khá
14	205201B159	NGUYỄN THỊ THU	08/10/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Dược2020 B	Kinh	3.11	7.91	89	Tốt	Khá
15	205201A025	LÊ THỊ HUỖN	16/09/2002	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Dược2020 A	Kinh	3.11	7.84	93	Xuất sắc	Khá
16	205201A105	HOÀNG THUỶ	05/02/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	3.11	7.81	85	Tốt	Khá
17	205201B183	PHẠM THỊ	07/08/2002	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	Dược2020 B	Kinh	3.10	7.81	90	Xuất sắc	Khá

288

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	ĐÀN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
18	205201A013	DƯƠNG XUÂN LÂM	23/02/2000	Nam	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	3.10	7.74	89	Tốt	Khá
19	205201A001	ĐÀO HẢI ANH	08/11/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	3.09	7.87	88	Tốt	Khá
20	205201B208	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	07/02/2002	Nữ	Hung Yên	Được2020 B	Kinh	3.09	7.78	89	Tốt	Khá
21	205201A049	TRẦN THỊ THANH THẢO	03/04/2002	Nữ	Nghệ An	Được2020 A	Kinh	3.09	7.73	89	Tốt	Khá
22	205201B158	NGUYỄN ĐỨC TÚ	26/12/2002	Nam	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	3.06	7.81	86	Tốt	Khá
23	205201A091	NGUYỄN LAN HƯƠNG	17/11/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	3.05	7.77	89	Tốt	Khá
24	205201A067	LÊ THUỶ LINH	16/11/2002	Nữ	Phú Thọ	Được2020 A	Kinh	3.05	7.77	88	Tốt	Khá
25	205201A003	VŨ THỊ NGUYỆT ANH	11/12/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	3.05	7.73	87	Tốt	Khá
26	205201A027	NGUYỄN THỊ THÚY VUI	16/11/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	3.03	7.71	90	Xuất sắc	Khá
27	205201A007	TRẦN THỊ THU HÀNG	28/07/2002	Nữ	Phú Thọ	Được2020 A	Kinh	3.03	7.70	88	Tốt	Khá
28	205201B211	LẠI THỊ THU TRANG	05/09/2002	Nữ	Hung Yên	Được2020 B	Kinh	3.03	7.69	89	Tốt	Khá
29	205201A052	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG	23/11/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	3.03	7.63	89	Tốt	Khá
30	205201A014	NGUYỄN THỊ THUY LINH	07/01/2002	Nữ	Hải Phòng	Được2020 A	Kinh	3.03	7.60	87	Tốt	Khá
31	205201B180	NGUYỄN THUY NHƯ	22/11/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	3.03	7.57	86	Tốt	Khá
32	205201A048	BÙI THỊ PHƯƠNG THANH	18/08/2002	Nữ	Phú Thọ	Được2020 A	Kinh	3.01	7.65	87	Tốt	Khá
33	205201A021	VƯƠNG THỊ TÂM	30/06/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	3.01	7.62	90	Xuất sắc	Khá
34	205201A058	ĐỖ THỊ KHÁNH DUYÊN	03/11/2002	Nữ	Phú Thọ	Được2020 A	Kinh	2.99	7.65	88	Tốt	Khá
35	205201B185	HOÀNG THỊ KIỀU TRANG	22/09/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.99	7.61	90	Xuất sắc	Khá
36	205201B187	NGÔ THÚY VÂN	10/09/2002	Nữ	Lào Cai	Được2020 B	Kinh	2.99	7.55	88	Tốt	Khá
37	205201B143	DƯƠNG THU HUỲNH	04/05/2002	Nữ	Hung Yên	Được2020 B	Kinh	2.98	7.59	91	Xuất sắc	Khá

10/8

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	ĐÀN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
38	205201B152	LÊ THỊ LINH	07/09/2002	Nữ	Quảng Ngãi	Dược2020 B	Kinh	2.98	7.57	87	Tốt	Khá
39	205201A088	NGUYỄN THỊ HIỀN	14/09/2002	Nữ	Thanh Hóa	Dược2020 A	Kinh	2.97	7.58	89	Tốt	Khá
40	205201A085	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	15/04/2002	Nam	Ninh Bình	Dược2020 A	Kinh	2.97	7.56	85	Tốt	Khá
41	205201B136	TRẦN HUYỀN ANH	13/02/2002	Nữ	Điện Biên	Dược2020 B	Kinh	2.96	7.63	86	Tốt	Khá
42	205201A082	NGUYỄN NGỌC MAI	22/05/2002	Nữ	Hưng Yên	Dược2020 A	Kinh	2.95	7.61	86	Tốt	Khá
43	205201A079	NGUYỄN THỊ THU TRANG	09/11/2002	Nữ	Hải Phòng	Dược2020 A	Kinh	2.95	7.61	87	Tốt	Khá
44	205201B166	NGUYỄN THU HÀ	12/12/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 B	Kinh	2.95	7.59	89	Tốt	Khá
45	205201A096	NGUYỄN THỊ MINH	19/06/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 A	Kinh	2.95	7.57	86	Tốt	Khá
46	205201A018	TRẦN THỊ HƯƠNG NHÀI	04/04/2002	Nữ	Bắc Ninh	Dược2020 A	Kinh	2.94	7.58	88	Tốt	Khá
47	205201A020	NGUYỄN MINH QUẢN	11/11/2002	Nam	Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	2.94	7.51	87	Tốt	Khá
48	205201A086	TRỊNH THỊ HÀ	14/10/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	2.93	7.60	87	Tốt	Khá
49	205201B205	ĐẶNG THỊ NHUNG	02/01/2002	Nữ	Hưng Yên	Dược2020 B	Kinh	2.93	7.57	90	Xuất sắc	Khá
50	205201B140	GIÁP THỊ HẠNH	17/08/2001	Nữ	Bắc Ninh	Dược2020 B	Kinh	2.93	7.51	83	Tốt	Khá
51	205201B170	ĐINH THỊ HUYỀN	03/09/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 B	Mường	2.93	7.48	84	Tốt	Khá
52	205201A037	TRẦN THỊ HUYỀN	27/01/2002	Nữ	Bắc Ninh	Dược2020 A	Kinh	2.91	7.53	85	Tốt	Khá
53	205201B163	TRỊNH THỊ KIM ANH	07/02/2002	Nữ	Bắc Ninh	Dược2020 B	Kinh	2.90	7.55	86	Tốt	Khá
54	205201B200	NGUYỄN THỊ LINH	22/01/2002	Nữ	Bắc Ninh	Dược2020 B	Kinh	2.90	7.54	85	Tốt	Khá
55	205201A075	LÊ THÁI	25/03/2002	Nữ	Hồ Chí Minh	Dược2020 A	Kinh	2.89	7.54	87	Tốt	Khá
56	205201A084	NGUYỄN THỊ CHUNG	09/01/2002	Nữ	Thanh Hóa	Dược2020 A	Kinh	2.89	7.50	87	Tốt	Khá
57	205201A031	LÊ THỊ DIJU	02/04/2002	Nữ	Thanh Hóa	Dược2020 A	Kinh	2.89	7.50	84	Tốt	Khá

10/12

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	ĐÂN TỘC	ĐIỂM, TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
58	205201A026	VŨ THỊ THU	21/10/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.89	7.50	86	Tốt	Khá
59	205201A071	NGUYỄN HUYỀN	04/11/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.89	7.45	87	Tốt	Khá
60	205201A073	VŨ THỊ	05/03/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.89	7.38	86	Tốt	Khá
61	205201A042	PHẠM THỊ SAO	19/08/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.88	7.55	87	Tốt	Khá
62	205201B165	NGÔ THỊ	22/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 B	Kinh	2.87	7.42	88	Tốt	Khá
63	205201A051	VŨ ĐỨC	02/09/2002	Nam	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.85	7.44	88	Tốt	Khá
64	205201A033	CHU THỊ	13/02/2002	Nữ	Hung Yên	Được2020 A	Kinh	2.85	7.39	83	Tốt	Khá
65	205201B130	NGUYỄN THỊ	02/02/2002	Nữ	Hải Phòng	Được2020 B	Kinh	2.85	7.39	88	Tốt	Khá
66	205201A034	PHAN THỊ	03/04/2002	Nữ	Hung Yên	Được2020 A	Kinh	2.84	7.43	81	Tốt	Khá
67	205201B155	BẾ LÂM	06/09/2002	Nam	Cao Bằng	Được2020 B	Tày	2.83	7.42	85	Tốt	Khá
68	205201B123	NGUYỄN THẢO	19/05/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.81	7.42	85	Tốt	Khá
69	205201B210	NGUYỄN ANH	16/08/2002	Nam	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.81	7.41	86	Tốt	Khá
70	205201A047	TẶNG THỊ	19/10/2002	Nữ	Nghệ An	Được2020 A	Kinh	2.81	7.33	86	Tốt	Khá
71	205201A053	TRẦN THANH	06/06/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.81	7.32	88	Tốt	Khá
72	205201A038	LÊ THỊ	06/01/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.79	7.46	88	Tốt	Khá
73	205201A089	NGUYỄN THỊ ÁNH	07/08/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.79	7.38	88	Tốt	Khá
74	205201A094	NGUYỄN THỊ HOÀI	19/01/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.79	7.38	81	Tốt	Khá
75	205201B109	PHẠM THỊ LAN	22/01/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.79	7.28	88	Tốt	Khá
76	205201A029	PHẠM THỊ TÚ	24/01/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.79	7.25	87	Tốt	Khá
77	205201A006	PHÙNG THỊ	19/12/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.78	7.42	89	Tốt	Khá

KLH

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên lớp	Dân tộc	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
							ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
78	205201B119	HÀ THỊ PHƯƠNG	29/08/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.78	7.33	88	Tốt	Khá
79	205201A090	ĐỖ THỊ THANH	26/01/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.78	7.32	87	Tốt	Khá
80	205201A059	NGUYỄN THỊ THU HÀ	05/07/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.77	7.37	89	Tốt	Khá
81	195201B119	PHẠM THỊ TUYẾN	27/07/2001	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.76	7.30	85	Tốt	Khá
82	205201A032	NGUYỄN THỊ HUƠNG	16/06/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.76	7.20	89	Tốt	Khá
83	205201A035	TRẦN THỊ HOA	05/09/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.75	7.22	88	Tốt	Khá
84	205201A072	NGUYỄN NGỌC NHI	05/05/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.74	7.32	80	Tốt	Khá
85	205201B204	PHẠM THỊ ÁNH	10/05/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.74	7.30	81	Tốt	Khá
86	205201A065	NGUYỄN THÚY HUƠNG	30/07/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.74	7.17	83	Tốt	Khá
87	205201B139	HOÀNG NGỌC HÀ	29/10/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.73	7.34	86	Tốt	Khá
88	205201A010	NGUYỄN THỊ DIỆU HUỖN	01/08/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.73	7.28	89	Tốt	Khá
89	205201B162	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	21/08/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.72	7.27	88	Tốt	Khá
90	205201B146	NGUYỄN THỊ HUƠNG	09/11/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.72	7.27	83	Tốt	Khá
91	205201B161	NGUYỄN HẢI YẾN	08/08/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.72	7.19	86	Tốt	Khá
92	205201B137	TRẦN THỊ BÌNH	27/10/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.72	7.16	90	Xuất sắc	Khá
93	205201A054	NGÔ HẢI YẾN	05/08/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.72	7.12	83	Tốt	Khá
94	205201A030	NGUYỄN THANH BÌNH	06/09/2002	Nữ	Dược2020 A	Kinh	2.71	7.17	85	Tốt	Khá
95	205201B122	HOÀNG TUYẾT MAI	29/08/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.69	7.26	88	Tốt	Khá
96	205201A044	ĐOÀN TUẤN NGHĨA	11/12/2002	Nam	Dược2020 A	Kinh	2.69	7.10	85	Tốt	Khá
97	205201B209	NGUYỄN THANH THÚY	01/11/2002	Nữ	Dược2020 B	Kinh	2.68	7.13	87	Tốt	Khá

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	LẦN TQC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
98	205201B132	NGUYỄN THỊ HUỖN	18/07/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 B	Kinh	2.66	7.31	89	Tốt	Khá
99	205201B148	TẠ HIẾU	17/08/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 B	Kinh	2.66	7.25	89	Tốt	Khá
100	205201A068	TRƯƠNG THỊ MAI	10/10/2002	Nữ	Thanh Hóa	Dược2020 A	Kinh	2.66	7.24	85	Tốt	Khá
101	205201B125	ĐẶNG ĐÌNH	08/04/2002	Nam	Nghệ An	Dược2020 B	Kinh	2.66	7.19	87	Tốt	Khá
102	205201B154	TRẦN ĐỖ	16/11/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 B	Kinh	2.66	7.19	91	Xuất sắc	Khá
103	205201A012	NGUYỄN THỊ KIM	10/03/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	2.66	7.13	89	Tốt	Khá
104	205201B144	TRẦN THỊ THU	02/01/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 B	Kinh	2.65	7.17	85	Tốt	Khá
105	205201A050	ĐÌNH THỊ THU	10/02/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 A	Kinh	2.65	7.16	88	Tốt	Khá
106	205201B127	NGUYỄN TÚ	12/01/2002	Nữ	Hà Tĩnh	Dược2020 B	Kinh	2.65	7.11	89	Tốt	Khá
107	205201B108	ĐÀO KIM ANH	13/08/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 B	Kinh	2.65	7.07	89	Tốt	Khá
108	205201A066	NGUYỄN THỊ LAN	03/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	Dược2020 A	Kinh	2.65	7.06	86	Tốt	Khá
109	205201A107	NGUYỄN THỊ THANH	21/10/2002	Nữ	Phủ Thọ	Dược2020 A	Kinh	2.65	6.99	85	Tốt	Khá
110	205201A070	CAO THANH NGA	23/08/2002	Nữ	Thanh Hóa	Dược2020 A	Kinh	2.64	7.11	83	Tốt	Khá
111	205201A039	LÃ THỊ NGỌC	20/08/2002	Nữ	Tuyên Quang	Dược2020 A	Tây	2.63	7.09	88	Tốt	Khá
112	205201A015	TRẦN NGỌC LỰC	18/12/2002	Nam	Thanh Hóa	Dược2020 A	Kinh	2.63	6.99	88	Tốt	Khá
113	205201A011	NGUYỄN THỊ LƯU	03/05/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 A	Kinh	2.62	7.19	87	Tốt	Khá
114	205201B126	LÊ TRẦN HỒNG	05/06/2002	Nữ	Phủ Thọ	Dược2020 B	Kinh	2.62	7.12	88	Tốt	Khá
115	205201A016	ĐÌNH THỊ TRÀ	27/05/2002	Nữ	Hà Nội	Dược2020 A	Kinh	2.62	7.09	87	Tốt	Khá
116	205201B186	TRẦN MINH	16/01/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 B	Kinh	2.62	7.00	90	Xuất sắc	Khá
117	205201A106	TRẦN THỊ THÙY	15/06/2002	Nữ	Ninh Bình	Dược2020 A	Kinh	2.61	7.10	85	Tốt	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
118	205201B160	NGUYỄN THỊ XUÂN	24/05/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.61	6.97	86	Tốt	Khá
119	205201B135	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	27/05/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 B	Kinh	2.60	7.22	89	Tốt	Khá
120	205201A063	ĐÀO KHÁNH	24/10/2002	Nữ	Hưng Yên	Được2020 A	Kinh	2.60	7.07	89	Tốt	Khá
121	205201B151	NGÔ BÍCH	17/05/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.60	7.01	88	Tốt	Khá
122	205201B141	HOÀNG TRUNG	15/12/2002	Nam	Thái Nguyên	Được2020 B	Kinh	2.60	6.94	84	Tốt	Khá
123	205201A036	BÙI TRỌNG	15/08/2002	Nam	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.58	7.00	82	Tốt	Khá
124	205201B138	NGÔ THỊ	28/03/2002	Nữ	Hưng Yên	Được2020 B	Kinh	2.58	7.00	87	Tốt	Khá
125	205201B153	PHƯƠNG THỊ	20/04/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 B	Kinh	2.58	6.94	85	Tốt	Khá
126	205201A102	LÊ THỊ	15/04/2002	Nữ	Thanh Hóa	Được2020 A	Kinh	2.57	7.08	88	Tốt	Khá
127	205201B179	VŨ YẾN	07/09/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.56	7.05	87	Tốt	Khá
128	205201A060	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	15/05/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 A	Kinh	2.56	7.02	83	Tốt	Khá
129	205201A077	VŨ BÍCH	04/09/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.56	7.02	86	Tốt	Khá
130	205201A046	NGUYỄN HỒNG	26/06/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 A	Kinh	2.55	6.93	77	Khá	Khá
131	205201B181	TRỊNH THỊ THÚY QUỲNH	23/09/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.55	6.97	84	Tốt	Khá
132	205201B194	NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN	10/10/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.53	6.92	85	Tốt	Khá
133	205201B173	NÔNG THỊ MAI LAN	10/11/2002	Nữ	Lào Cai	Được2020 B	Tày	2.52	6.93	86	Tốt	Khá
134	205201B212	VŨ HUYỀN TRANG	06/01/2001	Nữ	Hưng Yên	Được2020 B	Kinh	2.52	6.91	82	Tốt	Khá
135	205201A100	BÙI THỊ KIỀU OANH	24/12/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.51	6.97	86	Tốt	Khá
136	205201A002	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	23/12/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 A	Kinh	2.51	6.94	86	Tốt	Khá
137	205201B167	NÔNG THU HÀ	29/12/2001	Nữ	Lạng Sơn	Được2020 B	Tày	2.51	6.94	88	Tốt	Khá

10/10/2022

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
138	205201A041	PHÙNG THỊ LỆ LINH	15/10/2002	Nữ	Phú Thọ	Được2020 A	Kinh	2.50	6.97	87	Tốt	Khá
139	205201A069	TẢN LÊNG	27/02/2002	Nữ	Lai Châu	Được2020 A	Dao	2.50	6.95	89	Tốt	Khá
140	205201A062	NGUYỄN THỊ HOÀN	24/10/2002	Nữ	Phú Thọ	Được2020 A	Kinh	2.50	6.90	85	Tốt	Khá
141	205201B145	LÊ THU HƯỜNG	14/08/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.48	6.91	89	Tốt	Trung bình
142	205201A093	PHẠM THỊ LAN	14/05/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.46	6.78	87	Tốt	Trung bình
143	205201B113	LÊ THỊ HẢO	10/11/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.45	6.81	87	Tốt	Trung bình
144	205201A057	ĐẶNG PHƯƠNG CHI	05/04/2002	Nữ	Lào Cai	Được2020 A	Kinh	2.43	6.88	86	Tốt	Trung bình
145	205201B157	NGUYỄN THỊ THÚY	03/09/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 B	Kinh	2.38	6.71	88	Tốt	Trung bình
146	205201B120	NGUYỄN THỊ LIÊU	03/04/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 B	Kinh	2.38	6.68	86	Tốt	Trung bình
147	205201B121	PHẠM THỊ KIỀU LINH	28/04/2002	Nữ	Ninh Bình	Được2020 B	Kinh	2.37	6.81	81	Tốt	Trung bình
148	205201A005	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/06/2002	Nam	Bắc Ninh	Được2020 A	Kinh	2.36	6.64	86	Tốt	Trung bình
149	205201B174	NGUYỄN DIỆU LINH	08/08/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.34	6.71	84	Tốt	Trung bình
150	205201A004	HOÀNG THẾ CƯỜNG	24/09/2002	Nam	Quảng Ninh	Được2020 A	Kinh	2.34	6.56	88	Tốt	Trung bình
151	205201A103	ĐỖ ĐỨC THUAN	19/09/2002	Nam	Ninh Bình	Được2020 A	Kinh	2.32	6.58	87	Tốt	Trung bình
152	205201B201	CAO XUÂN LUẬN	06/01/2002	Nam	Hải Phòng	Được2020 B	Kinh	2.32	6.54	82	Tốt	Trung bình
153	205201B169	NGUYỄN KIM HỒNG	20/05/2002	Nữ	Bắc Ninh	Được2020 B	Kinh	2.26	6.51	86	Tốt	Trung bình
154	205201B193	QUẢNG THỊ HÀNG	10/01/2002	Nữ	Lai Châu	Được2020 B	Thái	2.25	6.49	84	Tốt	Trung bình
155	205201A061	TRẦN CÔNG MINH HIẾU	28/10/2002	Nam	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.24	6.64	84	Tốt	Trung bình
156	205201A056	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	28/11/2002	Nữ	Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.20	6.48	87	Tốt	Trung bình
157	205201B196	NGUYỄN NGỌC HUỲNH	04/09/2002	Nữ	Thanh Hóa	Được2020 B	Kinh	2.19	6.55	83	Tốt	Trung bình

Được

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
158	205201A101	HỒ CÔNG SANG	28/01/2002	Nam	Tỉnh Nghệ An	Được2020 A	Kinh	2.18	6.35	85	Tốt	Trung bình
159	205201A028	ĐẶNG VẤN ANH	04/03/2002	Nữ	Tỉnh Hưng Yên	Được2020 A	Kinh	2.17	6.40	87	Tốt	Trung bình
160	205201B116	ĐỖ THU HUỆ	25/11/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.17	6.38	87	Tốt	Trung bình
161	205201B134	TRƯƠNG VẤN VƯỢNG	07/08/2002	Nam	Thành phố Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.16	6.32	87	Tốt	Trung bình
162	205201B111	ĐẶNG ĐÌNH DIỆN	02/05/2001	Nam	Thành phố Hà Nội	Được2020 B	Kinh	2.15	6.40	87	Tốt	Trung bình
163	205201B191	LƯU LINH ĐAN	24/11/2002	Nữ	Tỉnh Hà Tĩnh	Được2020 B	Kinh	2.15	6.33	84	Tốt	Trung bình
164	205201A087	NGUYỄN THỊ HẰNG	11/10/2002	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Được2020 A	Kinh	2.13	6.30	86	Tốt	Trung bình
165	205201A019	LA THỊ NHUNG	08/03/2002	Nữ	Tỉnh Lai Châu	Được2020 A	Mông	2.13	6.28	81	Tốt	Trung bình
166	205201A074	ĐINH THỊ DIỄM QUỲNH	16/04/2002	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Được2020 A	Mường	2.12	6.36	88	Tốt	Trung bình
167	205201B149	LÊ ĐỨC MẠNH	27/10/2002	Nam	Tỉnh Phú Thọ	Được2020 B	Kinh	2.11	6.27	93	Xuất sắc	Trung bình
168	205201A097	NGUYỄN THU NGA	03/01/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Được2020 A	Kinh	2.10	6.27	86	Tốt	Trung bình
169	205201B114	CHU THỊ NGỌC HÂN	15/11/2002	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Được2020 B	Kinh	2.09	6.35	88	Tốt	Trung bình
170	205201B115	TẶNG THỊ THANH HOA	19/09/2002	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Được2020 B	Kinh	2.09	6.24	85	Tốt	Trung bình
171	205201B175	Hoàng Khánh Linh	12/10/2001	Nữ	Tỉnh Lào Cai	Được2020 B	Tày	2.07	6.35	87	Tốt	Trung bình
172	205201B110	CAO XUÂN BÁCH	12/08/2001	Nam	Thành phố Hải Phòng	Được2020 B	Kinh	2.07	6.24	82	Tốt	Trung bình
173	205201B192	VŨ KHÁNH HÀ	05/11/2002	Nữ	Tỉnh Phú Thọ	Được2020 B	Kinh	2.05	6.26	87	Tốt	Trung bình
174	205201A098	PHẠM HỒNG NGỌC	07/05/2002	Nữ	Thành phố Hà Nội	Được2020 A	Mường	2.01	6.19	78	Khá	Trung bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

HỌC VIỆN GIÁM ĐỐC

Y - DƯỢC

HỌC CỔ TRUYỀN

VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Quốc Huy

1

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2017-2022, NGÀNH: DƯỢC HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 2845/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	1754010005	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	26/08/1999	Nam	Tỉnh Ninh Bình	Dược 2017	Kinh	2.02	6.11	87	Tốt	Trung bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PGS. TS Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2018-2023, NGÀNH: DƯỢC HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 2845/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN			ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	1852010036	HÀ DUY HIẾU	17/03/2000	Nam	Tỉnh Hưng Yên	Dược 2018	Kinh	2.02	6.22	Thang 10	73	Khá	Trung bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PGS. TS Nguyễn Quốc Huy

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, KHOA: 2019-2024, NGÀNH: DƯỢC HỌC
(Kèm theo Quyết định số: 2845/QĐ-HVYDCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Tên lớp	DÂN TỘC	ĐIỂM TN		ĐIỂM RL	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
								ĐIỂM TBC Thang 4	ĐIỂM TBC Thang 10			
1	195201A060	PHẠM THỊ HUONG	29/04/2001	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Dược2019 A	Kinh	2.21	6.41	85	Tốt	Trung bình

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

(Chữ ký)



PGS. TS Nguyễn Quốc Huy